

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Địa điểm thi: ĐHNN-ĐHQGHN

Phòng thi số: 01 (P.610 - Nhà A2)

Môn thi: TIẾNG ANH (BẬC 3)

Ngày thi: 21.10.2023

Thi nói: Ca 1 (tập trung lúc 13h00 ngày 21.10.2023 tại P.610-A2)

STT	Số Báo danh	Mã SV	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Mã đề thi	Kỹ năng bài thi môn				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	230001	19040414	Đặng Huệ Anh	19.10.2001	Nữ						
2	230002	20032504	Nguyễn Thị Phương Anh	13.04.2002	Nữ						
3	230003	21040191	Trần Cẩm Anh	28.05.2003	Nữ						
4	230004	21040750	Trương Hà Hải Anh	05.03.2003	Nữ						
5	230005	20100133	Đỗ Thị Bích	14.10.2002	Nữ						
6	230006	20031311	Nguyễn Ngọc Bích	29.10.2002	Nữ						
7	230007	20040174	Đỗ Thị Chi	15.10.2002	Nữ						
8	230008	20031241	Nguyễn Hà Chi	10.11.2002	Nữ						
9	230009	21031628	Hà Thị Đào	28.10.2003	Nữ						
10	230010	19020795	Vũ Thành Đạt	18.06.2001	Nam						
11	230011	20040134	Ngô Thùy Dung	05.09.2000	Nữ						
12	230012	20030169	Đào Việt Dũng	01.06.2002	Nam						
13	230013	20030122	Phan Thị Lan Dương	08.10.2002	Nữ						
14	230014	20031863	Trần Thành Duy	01.11.2002	Nam						
15	230015	20061069	Bùi Thị Trà Giang	12.05.2002	Nữ						
16	230016	20030815	Hoàng Thu Hà	12.01.2002	Nữ						
17	230017	20061073	Phùng Thị Thu Hà	06.08.2002	Nữ						
18	230018	20031787	Đỗ Khánh Hằng	30.09.2002	Nữ						
19	230019	19031107	Nguyễn Diệu Hằng	23.06.2001	Nữ						
20	230020	21021306	Phạm Đức Hiếu	08.02.2003	Nam						
21	230021	21010344	Nguyễn Thị Thanh Hoa	22.01.2003	Nữ						
22	230022	20031690	Cù Thanh Huệ	20.02.2002	Nữ						
23	230023	20031428	Lê Thị Hương	11.10.2002	Nữ						
24	230024	19030541	Trần Ngọc Huyền	21.09.2001	Nữ						
25	230025	19021166	Trần Thị Thanh Huyền	19.07.2001	Nữ						
26	230026	20100300	Trương Thị Huyền	18.04.2002	Nữ						
27	230027	20032295	Đàm Thuận Khánh	01.09.2002	Nam						
28	230028	20061135	Quàng Vân Khánh	10.09.2002	Nữ						
29	230029	20031335	Lê Thị Thủy Linh	19.04.2002	Nữ						
30	230030	20040137	Nguyễn Thanh Linh	17.12.2002	Nữ						
31	230031	20063100	Nguyễn Thị Diệu Linh	10.03.2002	Nữ						

32	230032	20041698	Nguyễn Thủy Linh	15.10.2001	Nữ						
33	230033	20030741	Trần Khánh Linh	07.01.2002	Nữ						
34	230034	20031711	Phạm Thị Lợi	20.08.2001	Nữ						
35	230035	20031713	Ngân Thị Ly	18.10.2002	Nữ						
36	230036	19030456	Hoàng Thị Lý	02.03.2001	Nữ						
37	230037	20063108	Nguyễn Thị Lý	09.04.2002	Nữ						
38	230038	20031142	Văn Đình Minh	29.04.2002	Nữ						
39	230039	20040576	Lê Thị Thảo My	23.09.2002	Nữ						
40	230040	19030462	Nguyễn Kiều My	23.10.2001	Nữ						
41	230041	21010620	Hoàng Phương Nga	27.04.2003	Nữ						

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: ; Môn Nghe:; Môn Viết:; Môn Nói:

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2023

1.

Trưởng điểm thi

2.

Thư ký điểm thi:

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Địa điểm thi: ĐHNN-ĐHQGHN

Phòng thi số: 02 (P.611 - Nhà A2)

Môn thi: TIẾNG ANH (BẬC 3)

Ngày thi: 21.10.2023

Thi nói: Ca 1 (tập trung lúc 13h00 ngày 21.10.2023 tại P.610-A2)

STT	Số Báo danh	Mã SV	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Mã đề thi	Kỹ năng bài thi môn				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	230042	20030071	Lã Thu Ngân	04.12.2002	Nữ						
2	230043	20031350	Lê Thị Kim Ngân	28.04.2002	Nữ						
3	230044	20032547	Vũ Hồng Khánh Ngân	16.09.2002	Nữ						
4	230045	20041340	Phạm Đắc Nghĩa	14.11.2001	Nam						
5	230046	20030756	Ngô Bảo Ngọc	19.02.2002	Nữ						
6	230047	19030057	Nguyễn Minh Ngọc	24.08.2001	Nữ						
7	230048	20100311	Lê Thị Nguyệt	09.05.2002	Nữ						
8	230049	20100312	Trần Thị Minh Nguyệt	13.06.2002	Nữ						
9	230050	19020590	Mai Hồng Nhật	27.12.2001	Nam						
10	230051	20031358	Phạm Thị Phương Nhung	26.05.2002	Nữ						
11	230052	21040757	Trần Trang Nhung	16.12.2003	Nữ						
12	230053	20030403	Ma Văn Phú	10.08.2002	Nam						
13	230054	20041022	Nguyễn Thị Linh Phương	25.12.2002	Nữ						
14	230055	20031728	Phạm Anh Phương	13.09.2002	Nữ						
15	230056	20030317	Hoàng Thị Mỹ Quyên	08.09.2002	Nữ						
16	230057	19064040	Nguyễn Lâm Xuân Quyên	11.05.2001	Nữ						
17	230058	20030771	Đào Thị Diễm Quỳnh	16.08.2002	Nữ						
18	230059	20041347	Vũ Trúc Quỳnh	16.11.2002	Nữ						
19	230060	20032328	Tạ Trung Sơn	27.02.2002	Nam						
20	230061	19032167	Trần Văn Sơn	10.04.2001	Nam						
21	230062	20031365	Đỗ Ngọc Sương	21.10.2002	Nữ						
22	230063	19020432	Đinh Mạnh Tân	25.11.2001	Nam						
23	230064	18021148	Nguyễn Đức Thắng	04.08.2000	Nam						
24	230065	20031369	Phạm Thị Thu Thanh	12.03.2002	Nữ						
25	230066	20020216	Phan Công Thành	16.09.2002	Nam						
26	230067	19030496	Trần Thị Kim Thoa	05.03.2001	Nữ						
27	230068	20030016	Hoàng Anh Thư	29.05.2001	Nữ						
28	230069	20031371	Nguyễn Thị Thu Thủy	18.03.2002	Nữ						
29	230070	20030329	Lò Quốc Toàn	25.01.2002	Nam						
30	230071	20030081	Nguyễn Anh Nhật Trân	02.01.2002	Nữ						
31	230072	20040708	Đào Thủy Trang	08.04.2002	Nữ						

32	230073	19040422	Phạm Thu Trang	24.09.2001	Nữ						
33	230074	20040612	Ngô Thị Cẩm Tú	06.12.2002	Nữ						
34	230075	20010290	Trần Thị Tươi	26.05.2002	Nữ						
35	230076	20031091	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	01.05.2002	Nữ						
36	230077	19031407	Hoàng Hồng Vân	15.01.2001	Nữ						
37	230078	20041363	Đỗ Lê Vi	09.07.2002	Nữ						
38	230079	21110061	Lê Tuấn Việt	16.08.2003	Nam						
39	230080	20031386	Lê Hữu Vũ	14.02.2001	Nam						
40	230081	20040173	Đỗ Huyền Yến	10.10.2002	Nữ						
41	230082	20031852	Ngô Thị Hải Yến	27.10.2002	Nữ						

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: ; Môn Nghe:; Môn Viết:; Môn Nói:

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2023

1.

Trưởng điểm thi

2.

Thư ký điểm thi:

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Địa điểm thi: ĐHNN-ĐHQGHN

Phòng thi số: 03 (P.710 - Nhà A2)

Môn thi: TIẾNG ANH (BẬC 4)

Ngày thi: 21.10.2023

Thi nói: Ca 1 (tập trung lúc 13h00 ngày 21.10.2023 tại P.610-A2)

STT	Số Báo danh	Mã SV	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Mã đề thi	Kỹ năng bài thi môn				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	230083	20040981	Lê Hoài Thu Anh	10.11.2002	Nữ						
2	230084	21051083	Lê Ngọc Anh	25.04.2003	Nữ						
3	230085	19041211	Lê Thị Ngọc Anh	16.01.2001	Nữ						
4	230086	19021210	Lý Hoàng Anh	23.08.2001	Nam						
5	230087	19031278	Ma Thị Phương Anh	09.09.2001	Nữ						
6	230088	20040987	Nguyễn Thị Diệu Anh	05.10.2002	Nữ						
7	230089	18041164	Nguyễn Thị Vân Anh	15.01.2000	Nữ						
8	230090	20041544	Phạm Hoàng Anh	23.10.2002	Nữ						
9	230091	21040187	Phạm Thị Diệu Anh	01.04.2003	Nữ						
10	230092	20040744	Trần Phương Anh	28.04.2002	Nữ						
11	230093	19041679	Trần Thái Thị Tú Anh	20.09.2001	Nữ						
12	230094	21020168	Vũ Việt Anh	26.03.2003	Nam						
13	230095	19041096	Đào Thị Minh Ánh	04.01.2001	Nữ						
14	230096	21040509	Lê Minh Ánh	06.10.2003	Nữ						
15	230097	20041131	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	25.07.2002	Nữ						
16	230098	19041403	Nguyễn Ngọc Bích	03.12.2001	Nữ						
17	230099	21040039	Nguyễn Khánh Chi	09.10.2003	Nữ						
18	230100	20041548	Phạm Kim Chi	09.05.2002	Nữ						
19	230101	20041647	Trần Bảo Chi	29.05.2002	Nữ						
20	230102	20040263	Đoàn Thanh Chúc	05.09.2002	Nữ						
21	230103	19021001	Phạm Công Chung	13.12.2001	Nam						
22	230104	21041309	Phạm Thị Chuyên	27.06.2003	Nữ						
23	230105	20040264	Nguyễn Thị Thu Cúc	14.11.2002	Nữ						
24	230106	19041695	Thái Hải Đăng	10.01.2001	Nam						
25	230107	19021428	Nguyễn Hữu Đạt	24.12.2001	Nam						
26	230108	21051114	Đoàn Thị Diệu	24.08.2003	Nữ						
27	230109	20021114	Mai Xuân Đình	19.06.2001	Nam						
28	230110	19041517	Đào Kim Dung	20.09.2001	Nữ						
29	230111	20051243	Vũ Thị Bích Dương	11.11.2002	Nữ						
30	230112	20050419	Chu Ngọc Duy	11.06.2002	Nam						
31	230113	20051251	Nguyễn Thị Hương Giang	15.07.2002	Nữ						

32	230114	21041212	Vũ Thị Hà Giang	24.12.2003	Nữ						
33	230115	20040360	Đặng Hải Hà	04.10.2002	Nữ						
34	230116	20041001	Hoàng Mạnh Hà	21.04.2002	Nam						
35	230117	19041532	Trần Thị Minh Hà	19.05.2001	Nữ						
36	230118	20041005	Nguyễn Thị Thanh Hằng	02.04.2002	Nữ						
37	230119	20040764	Bùi Thị Hạnh	21.01.2002	Nữ						
38	230120	19041533	Nguyễn Minh Hạnh	10.07.2001	Nữ						
39	230121	20040652	Nguyễn Thúy Hạnh	04.08.2002	Nữ						

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: ; Môn Nghe:; Môn Viết:; Môn Nói:

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2023

Trưởng điểm thi

1.

2.

Thư ký điểm thi:

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Địa điểm thi: ĐHNN-ĐHQGHN

Phòng thi số: 04 (P.711 - Nhà A2)

Môn thi: TIẾNG ANH (BẬC 4)

Ngày thi: 21.10.2023

Thi nói: Ca 1 (tập trung lúc 13h00 ngày 21.10.2023 tại P.610-A2)

STT	Số Báo danh	Mã SV	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Mã đề thi	Kỹ năng bài thi môn				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	230122	19041534	Đào Thị Hào	02.06.2001	Nữ						
2	230123	20041649	Phạm Thị Khánh Hiền	18.12.2002	Nữ						
3	230124	20041155	Lê Phương Hoa	19.11.2002	Nữ						
4	230125	20041010	Lê Thị Hoa	21.12.2002	Nữ						
5	230126	19041720	Hoàng Thị Hoan	11.07.2001	Nữ						
6	230127	21040248	Lê Hải Hưng	12.03.2003	Nam						
7	230128	20030035	Nguyễn Hữu Hưng	04.01.2002	Nam						
8	230129	21040452	Mã Thị Diễm Hương	18.06.2003	Nữ						
9	230130	18041309	Nguyễn Thúy Hường	11.20.1997	Nữ						
10	230131	21051165	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	05.08.2003	Nữ						
11	230132	20040567	Trần Thị Khánh Huyền	13.03.2002	Nữ						
12	230133	20041018	Triệu Thị Huyền	04.08.2002	Nữ						
13	230134	20032292	Vũ Minh Huyền	19.03.2002	Nữ						
14	230135	19041566	Cao Ngọc Linh	06.07.2001	Nữ						
15	230136	18041235	Đỗ Thuý Linh	09.11.2000	Nữ						
16	230137	19041568	Nguyễn Diệu Linh	19.06.2001	Nữ						
17	230138	20041179	Nguyễn Giao Linh	17.06.2002	Nữ						
18	230139	20041183	Nguyễn Thị Thuý Linh	17.10.2002	Nữ						
19	230140	20040913	Phạm Thuý Linh	31.10.2002	Nữ						
20	230141	21051208	Tổng Khánh Linh	10.06.2003	Nữ						
21	230142	18050510	Dương Thị Thanh Loan	15.03.2000	Nữ						
22	230143	21040161	Lê Thu Loan	08.10.2003	Nữ						
23	230144	18041384	Nguyễn Thị Thanh Ly	06.06.2000	Nữ						
24	230145	21040614	Nguyễn Thị Phương Mai	10.11.2003	Nữ						
25	230146	19041580	Nguyễn Thị Thanh Mai	05.08.2001	Nữ						
26	230147	21040091	Nguyễn Hà My	06.03.2003	Nữ						
27	230148	19041584	Nguyễn Ngọc Hà My	01.11.2001	Nữ						
28	230149	21050946	Phạm Tuấn Nam	02.07.2003	Nam						
29	230150	19021335	Trần Đình Nam	01.09.2001	Nam						
30	230151	20040684	Ngô Thị Nga	29.04.2002	Nữ						
31	230152	20041055	Phạm Thị Việt Nga	02.08.2002	Nữ						

32	230153	19041761	Nguyễn Kim Ngân	19.01.2001	Nữ						
33	230154	21040152	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	16.02.2003	Nữ						
34	230155	20040891	Nguyễn Thị Khánh Ngọc	04.09.2002	Nữ						
35	230156	21050964	Trần Thị Ngọc	14.06.2003	Nữ						
36	230157	20041662	Hà Thị Thu Nguyệt	19.09.2002	Nữ						
37	230158	19041853	Phùng Thị Nguyệt	06.01.2000	Nữ						
38	230159	21051253	Nguyễn Thảo Nhi	19.05.2003	Nữ						
39	230160	19040162	Đỗ Thị Nhung	01.08.2001	Nữ						

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: ; Môn Nghe:; Môn Viết:; Môn Nói:

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2023

Trưởng điểm thi

1.

2.

Thư ký điểm thi:

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Địa điểm thi: ĐHNN-ĐHQGHN

Phòng thi số: 05 (P.811 - Nhà A2)

Môn thi: TIẾNG ANH (BẬC 4)

Ngày thi: 21.10.2023

Thi nói: Ca 1 (tập trung lúc 13h00 ngày 21.10.2023 tại P.610-A2)

STT	Số Báo danh	Mã SV	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Mã đề thi	Kỹ năng bài thi môn				Ghi chú
							Đọc	Nghe	Viết	Nói	
1	230161	20040691	Nguyễn Thị Kiều Nhung	01.02.2002	Nữ						
2	230162	18041433	Nguyễn Thị Oanh	26.12.2000	Nữ						
3	230163	19041777	Đỗ Thúy Phương	10.05.2001	Nữ						
4	230164	20041211	Nguyễn Thị Hà Phương	06.10.2002	Nữ						
5	230165	19041176	Nguyễn Thị Thu Phương	07.08.2001	Nữ						
6	230166	20041212	Phạm Thị Phương	06.08.2002	Nữ						
7	230167	21021528	Bùi Minh Quang	19.05.2003	Nam						
8	230168	19041613	Dương Thị Quý	22.05.2001	Nữ						
9	230169	18050802	Bùi Trung Quyền	12.03.2000	Nam						
10	230170	19040187	Phạm Như Quỳnh	15.03.2001	Nữ						
11	230171	20040703	Phạm Quốc Thái	15.09.2002	Nam						
12	230172	21041192	Trần Thị Thanh	19.12.2003	Nữ						
13	230173	20041083	Đào Đặng Chi Thành	02.02.2002	Nữ						
14	230174	21040335	Đặng Ngọc Thảo	21.10.2003	Nữ						
15	230175	20041085	Đào Thị Thảo	27.11.2002	Nữ						
16	230176	20050525	Trần Hữu Thọ	20.08.2002	Nam						
17	230177	20040836	Lê Thị Minh Thu	22.03.2002	Nữ						
18	230178	21041687	Phạm Minh Thu	13.11.2003	Nữ						
19	230179	21051306	Hoàng Ngọc Mai Thư	17.08.2003	Nữ						
20	230180	20040958	Lê Minh Thư	23.04.2002	Nữ						
21	230181	19041640	Phạm Anh Thư	15.06.2001	Nữ						
22	230182	19040022	Phan Hoài Thương	02.01.2001	Nữ						
23	230183	20041603	Lê Thị Phương Thuý	04.06.2001	Nữ						
24	230184	19041352	Nguyễn Phương Thuý	02.02.2001	Nữ						
25	230185	20041234	Lại Trịnh Thu Trà	14.12.2002	Nữ						
26	230186	21040012	Đỗ Thùy Trang	24.04.2003	Nữ						
27	230187	20041240	Hoàng Phương Trang	08.09.2002	Nữ						
28	230188	20041235	Lê Thị Huyền Trang	17.12.2002	Nữ						
29	230189	21040203	Nguyễn Mai Trang	03.04.2003	Nữ						
30	230190	21041238	Nguyễn Thu Trang	13.05.2003	Nữ						
31	230191	19040216	Vũ Quỳnh Trang	15.12.2001	Nữ						

32	230192	18100291	Lê Thị Kim Tuyên	28.12.2000	Nữ						
33	230193	21041390	Nguyễn Thị Bảo Uyên	04.04.2003	Nữ						
34	230194	19041205	Nguyễn Thị Cẩm Vân	23.02.2001	Nữ						
35	230195	20040720	Nguyễn Thị Mai Vân	12.05.2002	Nữ						
36	230196	20050549	Lê Hạ Vi	30.08.2002	Nữ						
37	230197	19041662	Trần Thị Vi	30.11.2001	Nữ						
38	230198	21040045	Trần Quang Vũ	03.05.2003	Nam						
39	230199	19041382	Bùi Hải Yến	28.10.2001	Nữ						

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: ; Môn Nghe:; Môn Viết:; Môn Nói:

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2023

Trưởng điểm thi

1.

2.

Thư ký điểm thi: